

Số: /QĐ-UBND Bình Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Điều lệ Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi
và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước khóa IV,
nhiệm kỳ 2022-2027**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh tại Công văn số 175/BC-HBT ngày 22/12/2022 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày / /2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước đã được Đại hội đại biểu Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước, khóa IV , nhiệm kỳ 2022-2027, thông qua ngày 20/12/2022.

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như Điều 2;
- LĐVP, Phòng: NC-NgV;
- Sở Nội vụ: 02 bản;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

ĐIỀU LỆ

Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
Ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước).

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Bảo trợ Người khuyết tật – Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước
- Tên tiếng Anh: The Association for the support of Binh Phuoc Handicapped People, Orphans and Poor Patients.
- Tên viết tắt tiếng Anh: ASBPHOPP

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

- Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội từ thiện có tính chất đặc thù. Hội vận động sự tự nguyện, đóng góp của cộng đồng, cùng với chính sách của Nhà nước hoạt động vì quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo trong tỉnh, nhằm góp phần giúp họ cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.
- Mục đích hoạt động của Hội là huy động mọi tiềm năng xã hội, của các tổ chức và cá nhân, các nhà hảo tâm nhằm tổ chức các hoạt động trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo, tạo điều kiện để người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo có cơ hội học tập, lao động và tiếp cận với việc làm, được chữa bệnh khi ốm đau; ổn định cuộc sống và hoà nhập cộng đồng, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại: Số 50, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động, biểu tượng của Hội.

- Hội hoạt động trên phạm vi địa bàn tỉnh Bình Phước, trong lĩnh vực bảo trợ vì người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo.

2. Hội tuân thủ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và chịu sự quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội là thành viên trong hệ thống của Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ mồ côi Việt Nam và của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước.

4. Biểu tượng của Hội: Hội sử dụng biểu tượng của Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ mồ côi Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động:

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự vận động từ các nguồn để bảo đảm kinh phí hoạt động và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội đã được UBND tỉnh phê duyệt.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Quyền hạn

1. Được tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được UBND tỉnh phê duyệt.
2. Được tuyên truyền mục đích của Hội, vận động các tổ chức, cá nhân nhằm trợ giúp người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo, đặc biệt là những người đang gặp khó khăn có điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.
3. Đại diện cho các Tổ chức thành viên và hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Được thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội và được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của

Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên và đồng viên người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần “tự lực cánh sinh” và khả năng của mình tham gia vào lao động sản xuất, hoạt động xã hội; góp phần xây dựng và phát triển đất nước, “từng bước xã hội hóa hoạt động bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi”.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Phối hợp với các ngành chức năng, các tổ chức xã hội, các cơ sở dạy nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật và trẻ mồ côi. Vận động xây dựng các cơ sở phục hồi chức năng cho người khuyết tật, khám chữa bệnh miễn phí cho bệnh nhân nghèo, giúp đỡ người bị bệnh hiểm nghèo có cơ hội chữa bệnh, tạo điều kiện để người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo, khó khăn có cơ hội được cải thiện cuộc sống và hoà nhập với cộng đồng; Tham mưu đề xuất với Chính quyền tổ chức tốt việc nuôi dưỡng người khuyết tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Vận động sự đóng góp nhân đạo của toàn xã hội để góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người khuyết tật, trẻ mồ côi ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với các địa phương trong và ngoài tỉnh trong việc tổ chức các hoạt động nhân đạo, từ thiện đối với người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo. Tranh thủ nguồn tài trợ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh cho người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo, tổ chức các hoạt động nhân đạo phù hợp với Pháp luật Việt Nam và được sự cho phép của UBND tỉnh.

7. Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Hội: Phối hợp và hỗ trợ pháp lý để các địa phương phát triển tổ chức cơ sở Hội; mở rộng việc phát triển tổ chức Hội trong các cơ quan, đơn vị, các nhóm thiện nguyện, phù hợp với quy định của Pháp luật.

8. Phối hợp với các ngành chức năng tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người khuyết tật, trẻ mồ côi, giúp họ phát huy khả năng trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể thao...

9. Xây dựng và ban hành Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội, quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Hội phù hợp Điều lệ Hội, quy định của pháp luật.

10. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) và Sở Lao động Thương binh và Xã hội chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

11. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

12. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

CHƯƠNG III

HỘI VIÊN CỦA HỘI

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên tổ chức (thành viên) và hội viên danh dự:

1. Hội viên chính thức: Là công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia vào tổ chức và hoạt động thường xuyên của Hội, được Hội xem xét công nhận là hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên tổ chức (thành viên): Các tổ chức Việt Nam trong và ngoài tỉnh được thành lập hợp pháp, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập và tham gia hoạt động Hội được tổ chức Hội xem xét công nhận là Hội viên tổ chức (còn gọi là thành viên).

3. Hội viên danh dự: là công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện trở thành Hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, có nhiều đóng góp cho hoạt động Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là Hội viên danh dự.

Điều 9. Cộng tác viên và Tình nguyện viên

1. Cộng tác viên là những người không phải là Hội viên của Hội, thường xuyên tham gia ủng hộ hoạt động Hội và vận động ủng hộ quỹ Hội; phối hợp với Hội tổ chức các hoạt động phù hợp với quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo.

2. Tình nguyện viên là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài, không đủ điều kiện là Hội viên chính thức tự nguyện tham gia và hỗ trợ các hoạt động của Hội, chăm sóc giúp đỡ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo thì được công nhận là Tình nguyện viên.

3. Cộng tác viên và Tình nguyện viên được Hội tạo điều kiện tham gia các hoạt động trợ giúp do Hội tổ chức và được Hội xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền tuyên dương, khen thưởng.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được thiết lập và tổ chức thực hiện các chương trình nhân đạo phù hợp với chương trình nhân đạo của Hội và Điều lệ Hội.
6. Được giới thiệu hội viên mới.
7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên tổ chức (thành viên), hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, Nghị quyết Đại hội và các quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 12. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên

1. Thủ tục kết nạp hội viên

Hội viên chính thức và hội viên danh dự có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này, có đơn tự nguyện xin gia nhập thì được Ban Thường vụ Hội xét kết nạp là hội viên chính thức và hội viên danh dự.

2. Thủ tục khai trừ Hội thành viên, hội viên

Hội viên chính thức và hội viên danh dự có đơn tự nguyện ra khỏi Hội hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội do vi phạm Điều lệ, vi phạm Pháp luật thì chấm dứt quyền hội viên chính thức và hội viên danh dự kể từ ngày có Thông báo của Ban Thường vụ Hội.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội Đại biểu hoặc Đại hội toàn thể Hội viên.
2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ.
4. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng Hội, các tổ chức thuộc Hội (*các Chi hội, Câu Lạc bộ, Đội, Nhóm thiện nguyện*).

Điều 14. Đại hội của Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 2/3 (hai phần ba) số hội viên chính thức hoặc có trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các Quyết định của Đại hội phải được quá 2/3 (hai phần ba) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung

không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp 6 tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ định kỳ 6 tháng họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Thường trực Hội

Gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch của Hội. Thường trực Hội chỉ đạo, điều hành hoạt động thường xuyên theo Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và theo hướng dẫn của các cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

Điều 18. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 20. Văn phòng Hội

1. Là nơi làm việc của Ban Thường vụ, Thường trực Hội và những người công tác tại Hội giúp Thường trực Hội thực hiện các nhiệm vụ, giải quyết các công việc hàng ngày của Hội.

2. Nhiệm vụ của Văn phòng Hội

- Đại diện và điều hành công việc thường xuyên của Hội theo yêu cầu của Ban Chấp hành và Chủ tịch Hội.

- Quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội.

- Xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng, quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt.

- Định kỳ báo cáo với Chủ tịch, Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội.

- Soạn thảo các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

- Quản lý danh sách, hồ sơ và các tài liệu về các tổ chức trực thuộc Hội và Hội viên.

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

CHƯƠNG V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, Tài sản của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

a) Thu từ các tổ chức trực thuộc Hội (nếu có);

b) Thu từ các hoạt động vận động quyên góp, gây quỹ hợp pháp của Hội theo quy định của pháp luật;

c) Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

d) Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

e) Các khoản thu hợp pháp khác;

2. Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

3. Tài sản của Hội:

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

- Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
- Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

CHƯƠNG VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, Quy định, Nghị quyết của Hội hoặc làm tổn hại đến uy tín, danh dự, tài sản, tài chính của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị phê bình, cảnh cáo, không công nhận là hội viên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét khen thưởng, kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Hội chưa được quy định trong Điều lệ này thì được căn cứ vào những quy định tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác hướng dẫn thi hành.

2. Bản Điều lệ này đã được Đại hội Khoá IV, nhiệm kỳ 2022-2027 Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước thông qua ngày 20/12/2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Bản Điều lệ này không còn hiệu lực khi Hội ngừng hoạt động hoặc giải thể.

4. Chủ tịch Hội có trách nhiệm tổ chức triển khai nội dung bản Điều lệ này đến tất cả hội viên của Hội./.

CHỦ TỊCH